

LƯỢC THÍCH TÂN HOA NGHIÊM KINH TU HÀNH THỨ ĐỆ QUYẾT NGHI LUẬN

QUYỂN 2

PHẦN A

Mười Thiện Tài nhập quả vị kế hợp Chơn Như. Phần một: Từ đoạn tụng ba thành quách hữu vi của kinh Ba mươi bốn hạnh đến Thiện tài nói kệ: Nói về Khổ nơi ba Hữu và các phần Pháp. Phần hai: Từ đoạn văn xuôi và kệ tụng: Lúc bấy giờ Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi như voi chúa trở về. Đó là Văn Thù Sư Lợi khen đồng tử Thiện Tài phát tâm Bồ Đề và khuyên Thiện Tài không chán khổ sanh tử để đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền. Phần ba: từ Văn Thù Sư Lợi nói kệ đến “Cáo từ đi về phía nam”, đoạn văn xuôi này, Văn Thù Sư Lợi khen Thiện Tài phát Bồ Đề và thị hiện các thiện tri thức. Phần bốn: Từ đi về phía nam đến nước Thắng Lạc: Thiện Tài cầu học nơi các thiện tri thức. Từ đây đến cuối kinh, kể cả Văn Thù Sư Lợi, có năm mươi ba thiện tri thức. Năm mươi vị tiêu biểu cho mười trụ, mười hạnh, mười hồi hương, mười địa, đẳng giác. Mỗi vị đều có mười thiện tri thức, cộng thành năm mươi vị. Ba vị Văn Thù, Di Lạc, Phổ Hiền là công dụng lớn của trí Phật. Năm mươi pháp môn trong năm vị chính là thể dụng nhân quả của trí. Sự thăng tiến của năm mươi vị đều có trí căn bản này, là pháp thân không hình tướng, là trí phân biệt mầu nhiệm. Các hạnh của trí sai biệt nơi Phổ Hiền chính là nhân quả. Trong nhân có năm chục, trong quả cũng có năm chục, cộng thành một trăm. Năm lớp nhân quả thường được kết hợp với mười Ba-la-mật làm hạnh thăng tiến nên thành một trăm mười. Thể dụng của mười Ba-la-mật là trí căn bản, là pháp thân không hình tướng là hạnh của Phổ Hiền nên khi người tu hành chưa phát tâm, pháp Sư tử chính từ vô trí là vô minh. Vị phát tâm thấy đạo của mười trụ đã cùng lúc đoạn trừ vô minh, chủng tử phiền não dần dần ít đi.

Bốn vị Phật mới tuần tự đoạn trừ hết. Năm mươi thiện tri thức vốn có thứ lớp. Như trên đỉnh Diệu Phong, trụ thứ nhất đến trụ thứ ba tâm luôn duyên nơi chơn như nên đưa ra ba vị Tỳ kheo để biểu hiện. Từ trụ thứ ba đến trụ thứ sáu có Tỳ kheo Hải Tràng... tiêu biểu xoay chuyển tâm duyên chơn như, hiểu rõ thế tục. Trưởng giả Di Già, trưởng giả Giải thoát. Một vị ở nơi thị tứ, một vị ở chùa, cùng Tỳ kheo Hải Tràng biểu hiện cho cõi đời ồn náo vốn là thanh tịnh. Sự học hỏi, mọi việc ở thế gian đều là giải thoát. Nêu ba vị, hai người thế tục, một Tỳ kheo biểu hiện cho pháp. Nghĩa là trước phải đầy đủ sáu Ba-la-mật. Sau mới nói đến giải thoát xuất thế gian và thế gian. Sau khi đạt hai giải thoát này, dùng hạnh thanh tịnh trụ thứ bảy, ở trong sanh tử, nuôi lớn từ bi, không chán sanh tử, nghĩ đến khổ não của chúng sanh, tu tập trí nghiệp đến trụ thứ tám mới thành tựu một phần trí vô công dụng trong trí thanh tịnh thế gian. Nên sau nêu nữ cư sĩ Mãn Nguyệt và Tiên nương Kỳ Mục Cù Sa biểu hiện cho trí bi. Trụ thứ bảy, tám thành tựu bi trí của viên mãn một thể. Vì hai vị này đều ở chỗ Hải Triều. Trụ thứ chín nói về trí thanh tịnh không lo sợ của của trụ thứ tám, đạt thần thông không chết, cùng làm những việc như kẻ ngoại đạo tà kiến để dắt dẫn khuyên chúng bỏ tà về chánh. Nào là dùng năm lửa đốt thân, lửa cháy lên đến cõi trời. Nào là lên núi đạo mênh mông. vì lên núi đạo, vào lửa lớn nên tiêu biểu bằng Bà-la-môn Thắng Nhiệt. Trụ thứ mười hợp cả mười trụ, đầy đủ hạnh bi trí, tiêu biểu bằng từ hành. Con gái Vua Sư tử Tràng. Vua Sư tử Tràng là trí, từ Hành là bi. Nữ cư sĩ Mãn Nguyệt của trụ thứ bảy (tiếng phạn là Hưu xả) trước, đã tìm phương tiện vào trong sanh tử, nuôi lớn từ bi vẫn còn tập nhiễm nên tiêu biểu bằng con gái vua Sư tử Tràng. Vốn là đồng nữ. Vì trí bi của năm vị thành thực, chưa thành thực khác nhau, nên phải căn cứ từ thể dụng của trí Phật Nhứt thừa giáo. Mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, Đẳng giác lớp lớp thuận nghịch, toi luyện qua năm mươi vị mới đạt được thiện xảo của bi trí, muôn việc trọn vẹn, đầy đủ công hạnh. Nếu người chỉ cầu đạt một pháp xuất thế giải thoát, dù là pháp khác với pháp nhỏ hẹp của nhị thừa vẫn không được gọi là thầy của trời người. Người cầu Nhứt thiết trí của Nhứt thừa giáo, tức là ở trong sanh tử, không ra khỏi, cũng chẳng chìm đắm, đầy đủ thiện xảo bi trí. Vì thế không thể xem kẻ không trí, không hiểu biết là Phật. Trong kinh chép: Phật dùng pháp làm thân, thông đạt tất cả pháp nghĩa là biết tất cả, hiểu hết thấy, là pháp thân Phật. Như vậy so hạnh của năm vị, gồm có một trăm mười lớp nhân quả là trí căn bản. Văn Thù, Phổ Hiền là thể dụng. Dùng trí mẫu nhiệm của Văn Thù phân

biệt các pháp, dùng trí sai biệt của Phổ Hiền biết rõ khả năng của chúng sanh để sống với chúng. Dùng trí căn bản là Phật. Trí đó hoàn toàn không tạo tác, thể tánh như hư không, không thuộc ba đời, không có tánh xưa nay, đầu cuối, ngang với vô số kiếp của thế gian. Song trí không có thời gian, đầu cuối không giống nhau, hạnh quả chẳng biến đổi, ở trong đời mà không ô nhiễm. Vì trí căn bản là thể của muôn hạnh, là pháp của Nhất thừa giáo, là quả Phật, là tâm phát khởi ban đầu, là một đời thành Phật, là quả tu hành của năm vị, là pháp của giáo hạnh. Vì trí căn bản hợp nhất, không có sự sanh tử xưa nay nhiều ít nên thấy bản tánh của chúng sanh là không sanh, chỉ là một đời. Sự đạt đạo bây giờ cũng giống như sự thành Phật của các đức Phật thời quá khứ, vị lai. Như trong lầu gác của Di Lạc hiển hiện cho kiếp số ba đời, đều trong hiện tại. Vì cảnh giới trí vốn vậy. Người phát tâm lãnh hội trí nghiệp này cũng vậy, không thấy có nhiều đời, gọi là phát tâm Bồ Đề thứ nhất. Trong cảnh giới của trí không có sự phân chia ba đời, xưa nay vì pháp vốn vậy. Thấy có nhiều ít là thấy sai lầm, thuộc về hiểu biết của thức, là sanh tử là chấp trước, là thiên lệch. Hãy hiểu thật đúng. Vì thế năm mươi thiện tri thức chính là hạnh thăng tiến. Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lạc là nhân quả thể dụng của trí trong năm mươi vị. Trước sau không ngoài pháp ba đời, thành một trăm mười pháp như trước đã nêu rõ. Bốn đoạn trước nói về sự khen ngợi, khuyên Thiện Tài phát tâm Bồ Đề và đề cập đến nơi ở của thiện tri thức. Phần sau nói về Thiện Tài từ biệt để tiếp tục học hỏi, vào đúng nơi và tu hạnh Bồ-tát. Một đoạn sau nói về nhập trụ phát tâm thứ nhất, là trụ đầu của mười trụ. Trụ này chủ yếu tu bố thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phía nam có nước tên Thắng Lạc. Phía nam là đúng đắn, là sáng suốt, rõ ràng, là sự trống rỗng, là tốt đẹp. Tâm, là pháp là tâm đạt sự trống không. Tâm hiểu rõ là tâm sáng suốt, trí huệ chơn chánh biểu hiện. Vì thế lạy Phật trước phải đọc Nam Mô... Phương đông là khởi nguyên. Vì phương đông như mùa xuân, là mùa vạn vật sanh sôi nảy nở, là sự bắt đầu của mọi việc. Phương nam là pháp môn, là đúng đắn, là hư tịch, là trí huệ chơn chánh nên phải đọc trước phương đông như mùa xuân, là mùa vạn vật sanh sôi nảy nở, là sự bắt đầu của mọi việc. Vì vậy chữ đông gồm chữ mộc xuyên qua chữ nhật. Chữ mộc là sanh sôi nảy nở. Chữ mộc bao quát các pháp ở mười phương. Phương nam cũng bao quát các pháp ở mười phương. Chữ mộc gồm chữ thập và chữ bát. Phương đông là rỗng là trí, nên nêu ngài Phổ Hiền ở phương đông là biểu hiện ý đó. Bồ-tát Quan Thế Âm là từ bi nên biểu hiện ở phương tây. Phương tây thuộc hành

kim, là cạp trắng, là giết hại. Ý nói pháp từ bi được thực hiện trong cõi ác, trong sự chém giết. Vì thường mười hồi hướng hợp cả hai môn bi trí. Quan Thế Âm ở phía tây của núi Kim Cang, Bồ-tát Chánh Thủ ở phương đông đi đến, hai vị gặp nhau. Chánh thủ tiêu biểu cho trí huệ, Quan Âm tiêu biểu cho từ bi. Tất cả đều mượn phương hướng để biểu hiện pháp. Song, pháp của một phương bao gồm cả mười phương. Ở đây xin nêu vài ý nghĩa của phương đông để biểu hiện pháp không thể nói nhiều. Chữ Mộc (trong chữ đông) tiêu biểu trí có khắp mười phương, ngang dọc thấu triệt, đầy đủ tám quẻ, thông cả pháp của hai phương trên dưới nên nói trí có khắp trong các pháp thì được gọi là trí viên mãn. Vả lại, phương đông tiêu biểu là quả chần. Chần là cây, là trai trưởng, là tiếng nói, là hiệu lệnh, thông cả mười phương. Lại như ngôn ngữ phát xuất từ miệng. Miệng tiêu biểu quả Đoài. Quả Tấn là lời lẽ phong giáo. Quả Ly là tốt đẹp, là tâm, là mắt, là hư tịch. Quả Càn là hoàn toàn thanh tịnh. Quả Khôn là mọi người tin thuận, là bụng. Quả Khảm là nước, là thần lực nơi bảy ngôi sao ở phương bắc, là gian tà, là đối tượng trừng trị của người trí. Quả Cấn là núi, là trai út, là trẻ thơ, là dừng lại. Phương trên là trời, bao hàm muôn Quẻ. Vì thế trong mười tìn, cõi nước là phương tiện là Bình đẳng, đức Phật tên Quán sát trí tiêu biểu cho trí căn bản. Thể của trí ấy là hư không. Phương dưới có bốn mùa, hậu, tỵ, thổ, vương tiêu biểu cho trí bi đầy đủ, chuyên chở muôn vật, vì pháp của một phương có khắp mười phương. Tất cả các hiện tượng ở mười phương đều thuộc muôn loài ở thế gian. Vì thế đạo của quân tử là hiểu rõ các pháp ở mười phương, luôn dụng công bằng định mới là có trí huệ chơn chánh, là ánh sáng, là mặt trời, là tốt đẹp. Do vậy, chữ nam gồm các chữ thập, môn, bát, thiên tiêu biểu cho phương nam là đứng, là sáng. Vì mặt trời ở tám phương, mức chuẩn của tám thước đều được định bóng thừa thiếu ở phương nam. Sơ lược là thế, nếu nói đủ thì thật phiền toái. Cõi nước tên Thắng Lạc tiêu biểu cho từ lúc bắt đầu đến lúc đạt trước viên mãn sáng suốt, phá trừ bóng tối của đêm dài nên gọi là Thắng Lạc. Cõi ấy có núi tên Diệu Phong nghĩa là muốn đạt đạo không tu định thì không có gì bắt đầu, nếu muốn đạt trí thù thắng, trước phải tu phép chỉ đứng đảnh. Núi là đình chỉ, là đình chỉ tâm, không lạm động, vững chãi như núi, tự hiểu rõ cảnh giới của tâm, khi bỏ cả tâm lẫn tướng thì trí huệ chơn chánh phát khởi. Song, sự đoạn ảnh tướng là nhờ định. Trí được phát sanh từ định. Một khi định huệ hiển hiện, vọng chấp về chướng hoặc tan biến. Chướng hoặc tan biến thì trí lớn sanh khởi. Chấp tướng không còn, trí sáng hiển hiện nên gọi là Diệu Phong. Vì lên đến đỉnh

núi, trí chơn không luôn phát khởi từ lý trống không, không hình tướng, tất cả bụi nghiệp từ xưa đến nay bỗng tan biến sạch, thân tâm chẳng còn, không còn phân biệt trong ngoài, đoạn trừ năm hiểu biết sai lầm như thân kiến, kiến thủ, giới thủ, tà kiến... được gọi là thấy đạo. Khi đã thấy đạo thì trí chơn không luôn hiển hiện soi sáng, dùng đạo đoạn dứt chủng nghiệp. Chủng tử càng giảm, trí huệ càng sáng. Trí huệ đã tăng trưởng, luôn hành hạnh từ bi. Bao giờ độ hết chúng sanh, hạnh nguyện mới hết. Chúng sanh không độ hết, hạnh nguyện sẽ không dừng. Lòng từ lớn như mặt trời chiếu khắp mười phương. Lòng bi lớn như mặt trăng xoa dịu biển hữu. Trước sau như một không dừng nghĩ đó là tu đạo. Đỉnh diệu phong tiêu biểu cho quả vị kiến đạo, dùng trí căn bản sáng suốt làm thể của đạo. Dùng trì mâu nhiệm của Văn Thù tu hạnh nguyện Phổ Hiền, thành tựu đạo Phổ Hiền. Ở trong chúng sanh thừa hành lòng bi lớn, an lập hành tướng năm vị, hòa hợp thêm bớt trí bi, đến vị Diệu Giác mới tròn đủ. Trí lớn càng sáng, bi lớn càng rộng thông hiểu mọi pháp, thừa hành đủ bốn nhiếp pháp công đức từ bi trọn vẹn. (Thứ tự như ở phần sau). Cứ thế tuần tự tu tập đầy đủ hạnh nguyện, không ra khỏi một cảnh trí nhỏ nhoi nào. Hãy dùng trí biết rõ, đừng hiểu bằng hình thức. Trụ phát tâm thứ hai mược thiền định hiển hiện cho sự thông đạt chơn trí sáng suốt, vô minh rơi rụng được sanh vào nhà trí của Phật nên được gọi là ở chỗ Phật, đạt trí sáng của Phật, thấy tất cả pháp. Quả vị kiến đạo không thấy có xưa nay, hoặc khoảng giữa của xưa nay. Trải quả năm vị, dũa mòn tập khí, thêm lớn từ bi, là tu đạo. Vì vậy có câu: Vừa phát tâm đã thành tựu sự hiểu biết đúng đắn mới có thể tu đạo. Nhưng vì trí của các vị trên chưa tròn đủ, cản trở hạnh nguyện của Bồ-tát nên lúc Thiện Tài đi về phía nam học hỏi các thiện tri thức đều nói rằng: Tôi trước đã phát tâm cầu đạo Bồ Đề, làm học hạnh Bồ-tát, tu đạo Bồ-tát? Mà nói rằng: Thêm lớn quả Phật, Do vậy trí căn bản nhờ định hiển hiện, không do tạo tác, không do tu tập, chỉ có tu đạo Bồ-tát, học hạnh Bồ-tát mà thôi. Song trì căn bản luôn được hiển hiện bằng hạnh không bám víu, không nhiễm ô của Bồ-tát. Nó không có tánh sanh diệt sống chết. Nếu không đạt thể của sự hiểu biết chơn chánh thì các hạnh đều là vô thường, là nghiệp báo có sống chết của trời, người. Thiện Tài lên núi Diệu Quang hết bảy ngày. Bảy ngày là tiêu biểu cho bảy phần giác. Khát khao tìm kiếm khắp mười phương nghĩa nhập định quán sát mười phương, quán sát thể tánh của các pháp. Từ xa nhìn thấy Tỳ Kheo Đức Vân ở đỉnh núi khác Thiên hành: Núi mình ở là sự tự tu chỉ quán. Nhìn xa là tin, vì sau khi tu chỉ quán, tin rằng: có pháp môn tịch dụng

hợp nhất của định tuệ. Vì vậy thấy Tỳ kheo đang thiền hành ở đỉnh núi khác lên núi là định, thiền hành là dụng vì dụng không ngoài định tức là không ở trong vắng lặng, cũng không ở trong tán loạn nên đang thiền hành. Sau khi nhìn thấy Thiện Tài liền đi đến, đó là sự thăng tiến. Đến nơi chấp tay là hiểu được ý, lạy là được bản vị, đi vòng quanh là tin hiểu thực hành. Đi theo đông bắc tây nam là đi vòng quanh. Thiền hành giáp không theo hành trình là đi vòng quanh. Hiện nay người hành đạo lại đi ngược cách này. Tỳ kheo Đức Vân nói: Ta đạt sức tin hiểu đúng đắn, lòng tin thanh tịnh, ánh sáng trí chiếu soi, quán sát khắp nơi, đoạn trừ chướng hoặc, khéo léo quán sát, thấu triệt mọi thứ, đầy đủ hạnh thanh tịnh, đi lại khắp mười phương, cung kính cúng dường tất cả đức Phật, luôn nghĩ đến định và pháp của các đức Phật, thấy tất cả các cõi Phật ở mười phương. Thấy một đức Phật hai đức Phật... Vô số đức Phật chính là sự quán sát sau khi thấy đạo. Dùng mắt pháp trí để quán sát, thấy rõ như trước mắt, vì vậy nói ta đạt sức tin hiểu đúng đắn, mắt tin thanh tịnh, trí sáng chiếu khắp. Dùng mắt thanh tịnh, trí sáng suốt, soi thấy ở phương đông có một đức Phật, hai đức Phật... Vô số đức Phật. Phương tây, nam, bắc, bốn phương trên dưới đều như phương đông. Đó là pháp quán đạt trí Phật, tức cảnh giới Phật, cúng dường Phật, học thần thông của Bồ-tát, là trả lời câu hỏi của Thiện Tài. Làm sao sớm thanh tịnh đầy đủ hạnh Phổ Hiền. Người tu hành phải dùng mắt sáng, trí thanh tịnh nương pháp này, bắt đầu từ phương đông, quán sát tâm của tất cả chúng sanh như tâm mình, không thể tánh, không hình tướng, không tâm tánh. Không thấy có các tướng. Khổ vui tốt xấu, phải trái hay dở của chúng sanh. Chỉ dùng mắt trí thanh tịnh sáng suốt soi chiếu thấy thể chơn thật của chúng sanh, không thấy biết bằng mắt thường của tình thức. Chỉ thấy thể công đức, chúng sanh như tướng của các đức Phật, không thấy tướng trời, người, địa ngục... cõi ác. Tất cả cõi nước đều như ánh sáng, như bóng, không thật, không hư, bản tánh vốn không như uế. Thể tướng của Phật, chúng sanh và mình từ xưa đến nay là một. Sắc thân, cảnh giới Phật đều có từ trí, đều là cảnh giới của pháp thân không tướng. Vì thể của trí là không. Muôn ngàn hình tướng đều trống không, tịch tịnh như lầu gác của Di Lạc. Từ nơi, không phải là nơi chốn hiện đến rồi diệt mất đi về nơi không phải là nơi chốn. Thấy tất cả cảnh giới của chúng sanh đều là cảnh giới của Niết-bàn, là cảnh giới Như Lai. Đó không phải là sự hiểu biết bằng tình thức sai lầm, mà là sự hiểu biết bằng trí sáng. Do vậy, tự tại trước có không, không hư mất thường. Thấy chúng sanh mà không hư mất pháp. Thấy cảnh giới vốn không thể tánh mà

không hư mất trí, biết muôn thứ giả có, thấy thân Phật tự tại, nhập trí không tạo tác, sự sáng suốt thần diệu đều do trí huyền ảo, không có trong ngoài. Từ phương đông đến bốn hướng... đều dùng trí thanh tịnh sáng mắt quán sát. Nếu muốn đạt tự tại phải dùng định tự tánh không tạo tác, hiển hiện cho pháp thân không hình tướng. Trí thanh tịnh sáng suốt không có nghiệp tham sân si, đủ tâm từ bi mới có thể an nhập trí huyền ảo này, thản nhiên trước có không. Nếu không đủ hạnh nghiệp từ bi sẽ làm quỉ thần hung dữ, dạ xoa la sát ác độc. Như phẩm hạnh nguyện Phổ Hiền có chép: Đây là pháp quán sau khi thấy đạo. Người chưa an nhập cảnh giới trí huệ thì không thể lãnh hội được. Nếu chỉ quán sát sự trống không, diệt hết nghiệp tham, duyên lý trống không, thần thông hư giả, không hành diệu dụng thì bị vướng trong tịch tịnh. Đó là chứng tử của hạnh nhị thừa. Nếu người mê lý, không có thần trí vi diệu chỉ quán tướng có, đó là sự sanh diệt của hữu vi, như cách quán cõi thanh tịnh, Phật A Di Đà ở phương tây, đây là pháp quán về cảnh, trí của nhất thừa. Người chỉ quán tướng làm cho trí không tạo tác sáng suốt vi diệu. Từ trí lớn thanh tịnh sáng suốt, pháp thân không hình tướng thành tựu công dụng lớn, học thần thông của Bồ-tát, nhập đạo Phổ Hiền cũng không thể đạt được. Người chỉ chuyên tâm vào chơn như cũng không thành tựu được. Như trong kinh, Tỳ kheo Đức Vân khen ngợi sự học hỏi của Thiện Tài: Người cầu thần thông của Bồ-tát, cho đến cầu pháp môn Niết-bàn sanh tử của Bồ-tát, học sự quán sát hữu vi, vô vi của Bồ-tát mà tâm không bám víu thì nên chỉ dạy pháp nhập cảnh giới Phật. Hòa hợp sanh tử Niết-bàn, hữu vi, vô vi nhưng không bám víu. Phải dùng trí lớn thanh tịnh sáng suốt để an nhập. Vì thần thông diệu dụng của Bồ-tát luôn vắng lặng nên thiền hành ở trên đỉnh núi khác là biểu hiện đạt tự tại trước động tịnh nên thân không ngồi trên tòa. Người tu hành đạt vị kiến đạo rồi, dùng trí sáng đúng đắn quán sát như vậy. Như kinh nói về thể dụng làm cho người học đạo không thiên lệch, vướng vào công đức của mình. Dùng pháp quán đời này thành tựu thần thông diệu dụng tự tại của đời sau. Đó là chỉ trong giây phút, thấy trí viên mãn sáng suốt của đời sau. Pháp quán cõi thanh tịnh phương tây là quán tướng hữu vi, thành tựu tâm tướng, đạt nghiệp báo thần thông biến dịch sanh tử. Hoặc tu mười nghiệp lành sanh lên cõi trời, đạt nghiệp báo thần thông. Lại như rồng quỉ dữ tạo nghiệp ác vô minh mà còn có thần thông, hưởng gì người đã khai mở mắt đạo, căn lành đầy đủ, có thần dụng trí huệ quán sát mà đời sau không đạt thần thông rộng lớn? Đó là biểu hiện cho người vừa phát tâm, thành tựu sự hiểu biết chân chánh, là trí

căn bản sáng suốt, pháp thân không hình tướng. Thể không tạo tác là thể của chánh giác, từ đó thành tựu thần thông. Hạnh của Bồ-tát này là thể của trí biết đúng, nhờ sự phát tâm tương xứng của đời này nên đạt trí chơn chánh. Ngay trên phần đoạn hòa hợp này thành tựu quán tâm hành, tu tập pháp lành, học hỏi mọi hạnh, thành tựu quán tâm hành, đời sau đạt tâm biến dịch. Vì thân phần đoạn của Bồ-tát đời này là nghiệp quả của quá khứ. Đời này dùng trí tu tập, quán hạnh nghiệp nên đời sau được sanh bằng thần thông biến hóa. Đó là do mình thành tựu mọi công hạnh. Người thành tựu bằng công đức hạnh nguyện của mình là chơn. Người thành tựu bằng sự phù hộ của các đức Phật và của các Bồ-tát là không chơn chánh. Vì khi mất thần lực ủng hộ sẽ trở lại như trước. Ví như do sự ủng hộ của quỷ thần (ma nghiệp) biến đổi tâm người không tự tại, khiến tâm cuồng loạn, không thể giữ lấy được. Vì vậy hãy dùng sự thấy đạo của mình hiểu rõ cảnh giới của tâm không có vật thể, làm thanh tịnh nghiệp tham sân, si. Vì tánh vốn thanh tịnh bình đẳng, cùng một thể với nghiệp từ bi lớn, không thấy mà thấy, không biết mà biết, mọi việc đều chơn chánh. Dùng trí làm công dụng, dùng ẩn trí in rõ nghiệp quả ba đời của chúng sanh, biết đó đều là cảnh giới của Phật nên đạt tâm không cấu nhiễm. Từ câu: “Chỉ ta đạt trí sáng suốt thấy rõ các pháp của Phật” trở về sau là nói sự thăng tiến. Đoạn từ đây nói về trước chép: Nhập tri kiến Phật, biết tất cả cảnh giới của ba đời các đức Phật đều thuộc một thời gian. Vì pháp chơn như không có tánh xưa nay, không thấy có Phật mới thành, Phật đã thành vì không có pháp xưa nay, mới cũ thành hoại. Vì dùng mắt thấy khắp để thấy.

2) Trụ trị địa: Vị này chủ yếu là tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như cách giải thích ở trước). Phương nam có cõi nước tên Hải Môn, nghĩa là giới Ba-la-mật là Thể của Hải Môn, vì biển lớn không chứa thây chết. Biểu hiện cho trí sáng nơi pháp thân là thể của giới tự tánh trong sạch, không chứa những xác chết tham, sân, si ác kiến vọng nghiệp. Vì khi trí này hiển hiện, biển sanh tử mười hia chi sẽ thành biển biện tài phước đức, công đức lớn của các đức Phật nên gọi là Hải Môn. Như trong kinh chép: Tỳ kheo Hải Vân tiêu biểu cho mười hai chi, là biển nghiệp phiền não lớn của chúng sanh đã hết. Ở đây dùng giới định tuệ để thanh tịnh, là trí sáng suốt, là biển trí lớn, là phước đức lớn của các đức Phật. Với pháp này, che chở lợi ích, khiến chúng sanh bừng ngộ. Lúc này mười hai chi thành Hải Vân nên Thiên Tài đến chỗ Tỳ kheo Hải Vân. Lạ sát chân biểu hiện cho sự thăng tiến, đạt đến vị giải thoát: Chắp tay là lãnh hội pháp của các vị

đó. Thiện Tài nói: Con dùng tâm vô thượng Bồ Đề đã phát khởi từ trước nhập trí vô thượng. Đó là Thiện Tài cầu pháp (rõ như trong kinh). Tỳ kheo Hải Vân khen Thiện Tài: Để phát tâm Bồ Đề sẽ đạt trí sáng chiếu khắp, đủ trí tam muội và đạo chân thật, phát sanh phước đức, nuôi lớn pháp giải thoát, phụng sự thiện tri thức, không mỗi một không tiếc thân mạng, không chứa nhóm (rõ như trong kinh) Tỳ kheo Hải Vân nói: Ta ở nước Hải Môn này đã được mười hai năm, ta luôn thấy biển lớn là cảnh giới trí. Nghĩa là thấy biển lớn có vô số châu báu (rõ như trong kinh). Ở nước Hải Môn mười hai năm là chuyên quán mười hai nhân duyên, quán sanh tử rộng lớn do mười hai duyên sanh nên thành tựu trí rộng lớn như biển có vô số châu báu đẹp. Vì không hiểu mười hai duyên sanh : Do vô minh có hành, do hành, có thức, do thức, có danh sắc, do danh sắc có sáu nhập... do sanh có già chết khổ đau buồn thảm. Quả khổ luôn theo không bao giờ ngừng. Giờ đây dùng diệu lực nơi tam muội quán sát thành tựu trí lớn sáng suốt, đầy đủ công đức, trang sức bằng vô số châu báu, đạt trí lớn (rõ như trong kinh). Vì không hiểu mười hai chi này nên chịu vô số quả khổ, luôn ở trong địa ngục ngạ quỷ, súc sanh, nghèo cùng khổ. Nếu dùng định huệ quán sát, dùng các phương tiện thành tựu công đức trí huệ của các đức Phật. Trong mười hai chi, tóm thâu chỉ có ba chi, tức là vì không hiểu: 1) Thể của tâm cảnh vốn không, cứ chấp chặt tâm cảnh hiện có là vô minh; 2) Xem danh sắc là cảnh giới; 3) Xem sáu căn là chủ thể. Vì ý căn mê lầm, tham danh sắc, căn cảnh đối xứng. Hành, xúc, thọ, ái, thủ, hữu là duyên sanh thức nghiệp. Vì ba duyên này nên mười hai duyên luôn tồn tại, quả khổ ba cõi không dứt. Giờ đây dùng sức nơi phương tiện để điều phục, thành tựu nghiệp trí lớn, đoạn dòng sanh tử khổ đau. Dùng thiền định đình chỉ ý căn, làm cho nó không tồn tại trong năm căn, không duyên cảnh giới, ý căn không sanh thì mắt tai mũi lưỡi thân căn cũng không sanh. Ý căn đã thanh tịnh thì không còn căn cảnh, không có những hình tướng trong ngoài lớn nhỏ, ba đời xưa nay. Hạt giống của thức cũng không còn. Vì ý diệt, mười hai duyên diệt, tất cả khổ đau trong ba cõi diệt, chỉ có trí chân thật biểu hiện rõ ràng, chiếu khắp mười phương, các pháp như trí, cảnh, giới... vốn không có thể tánh, vì trí không có thể tánh, vốn sáng suốt, rộng lớn như hư không, ngang với pháp giới, không có trong ngoài, thần dụng cùng khắp, không đến đi, có trong tất cả cảnh giới, như dơn nắng, như huyền hóa, như bóng, như hư không, không lấy bỏ, không lật ngã, không ta người, không nương tựa, không do nương tựa vào cái khác mà tồn tại, ngang với pháp giới, mọi thứ đều có pháp.

Trí như ánh sáng vi diệu, hiển hiện mọi hiện tượng, bao hàm tất cả. Trí là thần cao cả, thể tánh vốn không nên phân biệt được mọi hiện tượng trong mười phương. Trí thanh tịnh như hư không, sanh khởi phước đức như ánh sáng vi diệu, như lưới của Đế Thích. Hiện thân hình trong tất cả cõi nước, ở trước chúng sanh rày thuận nghiệp sai khác, hiện thân hình tương xứng, vì trí không đến đi. Trí như ngọc làm nước trong, trí vừa hiện khởi, làm sạch nước như mười hai duyên. Vì vậy vô minh diệt thì biển khổ sanh tử... mười hai chi cùng diệt, trí sáng suốt thanh tịnh và các công đức cùng hiển hiện. Vì thế khuyển sáu căn cảnh thức... mười hai duyên để thành tựu công đức trí huệ của Như Lai. Tất cả các hình tướng ở núi Diệu Phong trước kia đều tan biến, trí sáng của Phật hiển hiện. Dùng đạo xuất thế quán sát mười hai chi-hành, sáu căn danh-sắc, thức... thông hiểu thế gian, thành tựu công đức trí huệ. Tỳ kheo Hải Vân nói: Thiện nam tử! Lúc ta nghĩ như vậy, trong biển sanh tử xuất hiện hoa sen lớn. Cộng sen bằng báu Nhân đà la (đó là lấy tên Đế Thích để đặt). Vì nó là loại ngọc quý nhất trong các báu vật. La ni là báu màu trong suốt, tiêu biểu cho trí căn bản hiển hiện nhờ ố thí Ba-la-mật phối hợp cả chín Ba-la-mật kia. Trăm vạn Vua A-tu-la cầm cộng sen. Vua tiêu biểu cho hạnh nguyện của Bồ-tát không ngoài trí căn bản sáng suốt, ở trong sanh tử nhưng không bị chìm đắm, luôn tự tại như A-tu-la ở trong biển nhưng không bị chìm. Trăm vạn rồng chúa phun nước thơm, tiêu biểu trí sai biệt là thể của giới. Trí này như rồng luôn tồn tại trong pháp không. Mưa pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh là nước thơm, các nghiệp thanh tịnh. Thể của giới cũng như vậy. Như rồng bay trong hư không tuôn mưa. Ngoài ra còn phối hợp thực hành các Ba-la-mật khác, trang sức bằng các báu vật khác. Đó là quả báu sanh khởi từ mười Ba-la-mật. Hoa sen được hình thành như thế. Xòe nở tỏa hương, che kín biển lớn tiêu biểu cho thể tánh của muôn hạnh không nhiễm ô, bao trùm tất cả, ủng hộ chúng sanh trong pháp giới (biểu hiện bằng hoa sen). Vì vậy trong kinh có câu: Hoa sen lớn này được sanh từ căn lành xuất thế của Như Lai, biểu hiện khắp cõi nước trong mười phương, sanh khởi từ pháp huyễn hóa, từ nghiệp thanh tịnh, trang sức bằng pháp không tranh cãi, nhập ấn vô vi, an trụ nơi pháp không ngại, cùng khắp cõi nước trong mười phương, trên hoa sen có đức Phật an trụ, thân Phật cao đến cõi trời Hữu đảnh. Nghĩa là trí căn bản là thể của Phật. Thể của trí vốn không, đủ diệu dụng thần thông, đoạn dứt biển hữu, có khắp mười phương, không thấy biên giới. Lên đến cõi trời Hữu đảnh là cùng tột của hình sắc thấy được. Đức Như Lai đưa tay phải xoa đầu. Tay phải

là công dụng của pháp. Xoa đầu là dẫn dắt hội nhập chơn như, hợp với đạo mới có thể trừ nghi. Giảng kinh Phổ Nhân là biểu hiện sự lãnh hội, mắt trí cùng khắp ngang bằng pháp giới, quán sát tất cả căn cảnh, tùy khả năng mà chỉ dạy. Căn cảnh không cùng sự chỉ dạy cũng không hết. Nếu không có căn cảnh thì sự chỉ dạy cũng không có. Điều đó có nghĩa là người dùng trí căn bản tùy đối tượng chỉ dạy. Chỉ dạy tất cả chúng sanh gọi là Phổ Nhân. Trong kinh dạy: Giả như có người dùng nước biển làm mực, núi Tu Di làm bút, chép một câu trong một nghĩa, một nghĩa trong một pháp, một pháp trong một môn, một môn trong một phần của pháp Phổ Nhân thì không thể chép được một phần nhỏ, huống gì chép hết? Đó là vì sự chỉ dạy không tự nhiên có, phải tùy khả năng và hoàn cảnh. Vì chúng sanh quá nhiều, phiền não lại lắm, khả năng và hoàn cảnh không cùng nên sự chỉ dạy cũng không hết. Trí căn bản là Phổ Nhân, trí sai biệt là kinh. Ta ở chỗ đức Phật đó suốt một ngàn hai trăm năm thọ trì pháp Phổ Nhân. Mỗi người nghe học một pháp Tam muội, lãnh thọ vô số phẩm là biểu hiện cho pháp mười hai duyên sanh, mỗi chi có một trăm phiền não, có mười thứ vô minh nên cộng thành một trăm. Mười hai chi mỗi chi đều có mười thứ, cộng chung thành một ngàn hai trăm phiền não căn bản. Chúng sanh trong mười phương vì tạo vô số nghiệp mê mờ, trôi lăn trong biển lớn sanh tử. Nay dùng thiên định quán sát. Nhờ sức từ phương tiện, thành tựu trí căn bản sáng suốt thanh tịnh và trí sai biệt mầu nhiệm. Thọ trì kinh Phổ Nhân trong suốt một ngàn hai trăm năm là biểu hiện cho trí sai biệt từ trí căn bản, tạo ra vô số pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh. Ta ở chỗ đức Phật đó thọ trì đọc tụng là biểu hiện tướng núi Diệu Phong không còn, trở ra khỏi sự trôi buộc, quán mười hai duyên sanh, điều phục biển khổ sanh tử, danh sắc, căn cảnh và thức. Vì thành tựu pháp Phổ Nhân trí sáng thanh tịnh nên biến biển sanh tử thành biển trí. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp Phổ Nhân này trở về sau là nói sự thăng tiến”. Như vậy tám vạn bốn ngàn trần lao đều không ngoài sáu căn, năm uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhưng danh sắc sáu căn lại do ý căn phối hợp với năm căn để nắm bắt cảnh danh sắc. Vì không hiểu nên có mười hai duyên sanh và mười phiền não lớn tạo thành tám vạn bốn ngàn trần lao. Như kinh này chép: Trong năm uẩn, mỗi uẩn có một trăm phiền não, năm uẩn có năm trăm phiền não, trên trong có năm trăm ngoài có năm trăm, cứ như thế có đến tám vạn bốn ngàn phiền não. Điều đó có nghĩa là trong năm uẩn, bên trong và bên ngoài có một ngàn. Trong mười sử mỗi sử có một ngàn phiền não. Mười sử có mười ngàn phiền não. Mười sử lại chia ra trong,

ngoài đều có mười ngàn, thành hai chục ngàn. Tham sân si có sáu vạn ba ngàn. Tham có hai vạn một ngàn, sân có hai vạn một ngàn, si có hai vạn một ngàn. Ba cái chung có ba vạn hai ngàn, thành tám vạn bốn ngàn. Bốn ngàn là số phiền não trong ngoài của năm uẩn, tám vạn là số phiền não của tham sân si, mười sử. Tất cả đều do sáu căn, danh sắc, thức tạo thành vô số phiền não, ngang bằng sự mê lầm của mười phương. Trong ba pháp đó, chủ yếu là ý căn. Nay chỉ dùng định làm thanh tịnh ý căn vốn không này, năm uẩn xưa nay không có chủ thể. Tất cả cảnh giới trong ngoài, sông núi, đất nước, gió, lửa đều do ý căn nắm bắt hình tướng sanh khởi thức, chấp chặt thành thức thứ bảy. Tức là đặt tên theo sự chấp chặt, không có thể riêng biệt nào. Tùy nghiệp có ba cõi, cõi hữu lậu nên có thức hạt giống thứ tám, thức này cũng không có thể riêng biệt nào. Tất cả chỉ do ý thức tạo thành. Nay người tu hành chỉ cần đình chỉ ý căn, vững chãi như núi, tâm cảnh tự nhiên dứt. Ý không còn, cảnh cũng chẳng có, thức diệt trí thành. Trần lao mê hoặc lâu xa vốn do mê ý mà có. Diệt ý, trí hiện, mười phương hiện rõ, tâm cảnh trống không gọi là Trí địa. Vì ánh sáng trí soi thấu muôn cảnh, không thể tướng. Vì không hiểu trống không nên giả có, không gốc ngọn, không sống chết. Tất cả cảnh giới trời người, địa ngục, sáu nẻo, ba cõi đều có ý vọng sanh. Ý không còn thì cảnh giới hư vọng cũng mất. Như củi hết lửa tắt, ý diệt nghiệp không, bốn đại cũng chẳng còn, núi sông đất nước đều tan biến theo ý. Tình thức phóng túng này mất, suy nghĩ đều diệt là do chánh định, không do sự suy xét của tình thức. Tác giả nói kệ: Núi sông đất nước cùng gió lửa, cảnh giới ba cõi do ý sanh, ý thức diệt hết như hư không, tất cả cảnh giới cũng chẳng còn. Ý thức không còn, cảnh giới mất, chỉ còn chơn trí thật trang nghiêm. Cảnh trí trang nghiêm như ánh sáng, chiếu soi cùng khắp chẳng có không. Trí cảnh không thân nào thấy được. Nhờ nghiệp thanh tịnh được như vậy, dùng trí rộng lớn chiếu thế gian, không thấy thế gian chỉ thấy trí, dùng cặp mắt thường thấy thế gian, nhưng không đắm nhiễm cảnh giới ấy.

Hỏi: Trí căn bản vốn trong sạch, vì sao không là Phật? Lại bị mê mờ thành chúng sanh trong sáu cõi, trôi nổi trong biển khổ? Nếu do tu tập đạt được thì không còn sanh diệt, thường thuộc nhân quả của trời, người. Nếu không do tu tập, cơ sao không vốn là Phật mà lại là chúng sanh có khổ vui, sống chết trong sáu cõi.

Đáp: Vì trí chân thật vốn không có tánh, không có bản thể, nhưng luôn tồn tại. Nói mình là Phật là căn cứ trên tự tánh thanh tịnh. Vì không có tự tánh nên không có việc tự nhiên ta là Phật, ta thanh tịnh. Nếu tự

nhiên ta là Phật, ta thanh tịnh, ta là trí huệ, ta thành chánh giác thì còn có pháp để đạt được, đó thuộc về chấp thường, sẽ bị hư hoại. Hãy quán sát kỹ mười phương không có pháp ấy tồn tại. Nếu có không có pháp ấy thì không có ba cõi mười phương đủ khổ vui, sống lâu, chết yếu... muôn thứ sai khác, đủ mọi chúng sanh. Nếu không có tự thể tồn tại thì phải hội đủ điều kiện mới có được, không do tu tập đạt được. Hai cách này đều thuộc chấp đoạn thường, vì đều không có tự tánh. Vì không hiểu tâm cảnh, chấp trước, tạo nghiệp nhân, chấp có nhẹ nặng, trái thuận, sân, ái tham si, đủ loại khổ vui sai khác của sáu cõi sanh tử. Vì phiền não tham chấp yêu ghét vui buồn nên có đủ loại nghiệp. Do phiền não ít nên có quả vui của trời, người. Do biết khổ sanh tử nên biết được trí Phật. Nhờ thầy chỉ dạy phát tâm. Nghĩa là biết sanh tử dài lâu mới phát ý cầu đạo chơn chánh, không phải tự nhiên sanh ra là Phật. Chơn chánh là trí biết đúng, không có tự tánh. Nếu trời, người, rồng, thần biết được tội lỗi. Trời lẫn mãi trong sanh tử rồi tôn bậc thông đạt trí Phật làm thầy để thành tựu sự giác ngộ, làm thanh tịnh tâm cảnh mới có thể biểu hiện bản tâm không tánh. Biết cảnh đối tượng duyên của tâm đều là không tánh, tự tánh không sanh khởi. Tâm cảnh không sanh khởi là trí cảnh. Vì trí hiển hiện nên chiếu soi cảnh mà ý thức mê đắm. Biết tất cả đều không là trí cảnh. Tất cả nhân quả của ba cõi đều do nghiệp, đạt trí là nhờ định không tạo tác. Lúc này mới biết được trí vốn không tánh, không vô minh, không thành Phật. Vì trí vốn không tánh nên biết tất cả đều không tánh, không vô minh. Vì trí không tánh, không vướng mắc, vốn là Phật nên có kinh dạy: Các pháp không tự sanh vì do duyên sanh. Không do trí khác sanh vì duyên vốn không tánh. Không cùng sanh vì thể của trí và sự tu hành trống không, không tự tánh, không tan hợp, đều do nhân sanh. Phải do hiểu biết tu tập mới hiển hiện vì không tự nhiên thành tựu. Không thành mà thành, không hoại mà hoại vì trí không nương tựa, vốn không tự thành, cũng không tự hoại vì trí không nằm trong thành hoại. Không thuộc đoạn thường vì trí không tự tánh. Không thuộc sanh tử vì trí không nơi nương tựa, không thuộc sanh tử. Trí hiểu biết không nơi nương tựa thì không thể tu đạt được. Nhưng thần dụng của nó có khắp mười phương, tùy chúng sanh hiển hiện. Không nhanh nhưng có khắp ở trong thần nhưng không phải là thần mà có công dụng lớn, ở trong trí nhưng không phải trí mà lại rất sáng. Vốn trống không không thể tánh. Vì trống không nên nước lửa không hại được, đao bén không làm tổn thương được, sanh tử không làm biến khác được. Nói trống không nhưng có thần dụng của sự trống không. Nói có nhưng

không có hình tướng nào đạt được. Rộng nhưng không phình ra, nhỏ nhưng không co lại. Vì tạo lợi ích cho những kẻ chưa hiểu biết mà giả đăt tên, ở trong tên nhưng không có tên. Tất cả sự hiểu biết như tiếng vang, thể của Như Lai như ánh sáng, sự giáo hóa chúng sanh như dọn nắng, sự phát nguyện như gió, sự thực hành từ bi như mây tuôn mưa. Vì trí trống không bao hàm muôn pháp, cùng một thể với trí nhưng không ghét bỏ chúng sanh. Tùy chúng sanh hiện thân mình, giây phút đã có khắp mọi nơi nhưng không có người tạo tác.
